

9. Sử dụng thợ lặn hoặc các thiết bị lặn ngầm khác dưới nước khi chưa được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng Việt Nam cho phép.

10. Tự động di chuyển cập mạn tàu khác, đi vào khu vực cấm.

11. Gây mất trật tự công cộng, cản trở hoặc chống lại việc thực thi nhiệm vụ của nhà chức trách Việt Nam.

12. Huấn luyện, diễn tập, thao diễn và trình diễn với các loại vũ khí, phương tiện bay, khí tài quân sự mà chưa được phép của Bộ Quốc phòng Việt Nam.

13. Các hoạt động ngoài kế hoạch hai bên thống nhất và các hoạt động khác mà pháp luật Việt Nam cấm.

Chương II

TÀU QUÂN SỰ NƯỚC NGOÀI ĐẾN VIỆT NAM

Mục 1

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP PHÉP, THỦ TỤC NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, CHUYỂN CẢNG

Điều 6. Thẩm quyền quyết định

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định cho các tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam trong các trường hợp sau:

- a) Tàu có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân;
- b) Tàu sân bay;
- c) Tàu của cùng một quốc gia thực hiện chuyến thăm Việt Nam quá 03 (ba) lần trong 01 (một) năm.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định cho các tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam trong các trường hợp khác, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục cấp phép

1. Quốc gia cử tàu gửi thông báo chính thức cho Bộ Quốc phòng Việt Nam về kế hoạch cử tàu quân sự thăm Việt Nam hoặc thực hiện các hoạt động hợp tác khác trước 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày tàu dự kiến vào lãnh hải Việt Nam. Trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định này hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định này.

Trường hợp quốc gia có tàu đến Việt Nam gửi thông báo chính thức đến Bộ Ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài,

chậm nhất 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được thông báo chính thức, Bộ Ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài chuyển văn bản đến Bộ Quốc phòng.

2. Đối với tàu quân sự nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân, tàu sân bay đến Việt Nam.

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Trường hợp khẩn cấp liên quan đến tai nạn, sự cố, cứu hộ, cứu nạn, vì mục đích nhân đạo do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm;

c) Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung đã cấp phép thì Bộ Quốc phòng trao đổi, thống nhất với quốc gia có tàu quân sự đến thăm qua đường ngoại giao.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trình tự, thủ tục đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm, thực hiện các hoạt động hợp tác khác hoặc sửa chữa.

4. Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương liên quan

a) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến về việc cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi tàu đến phải có văn bản trả lời;

b) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cấp phép hoặc từ chối cấp phép, Bộ Quốc phòng có văn bản thông báo cho các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tàu đến về việc cấp phép hoặc từ chối cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; trường hợp cấp phép văn bản thông báo kèm theo chương trình hoạt động, thành phần, thời gian, địa điểm làm việc của tàu và thành viên trên tàu.

Điều 8. Thông báo tàu quân sự nước ngoài đến cảng biển và sử dụng hoa tiêu hàng hải Việt Nam

1. Chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước khi tàu quân sự nước ngoài dự kiến đến cảng biển Việt Nam, người làm thủ tục phải gửi cho Cảng vụ hàng hải và Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu đến Thông báo tàu đến cảng.

2. Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu quân sự nước ngoài rời cảng, người làm thủ tục phải thông báo trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin liên lạc khác cho cảng vụ hàng hải và Biên phòng cửa khẩu cảng biết nội dung Thông báo tàu rời cảng.

3. Khi vào, rời cảng biển hoặc di chuyển trong vùng nước cảng biển Việt Nam, tàu quân sự nước ngoài phải sử dụng hoa tiêu hàng hải Việt Nam dẫn tàu và trả phí hoa tiêu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài tại cảng biển

1. Thủ tục nhập cảnh, chuyển cảng cho tàu, thành viên trên tàu quân sự nước ngoài được thực hiện trực tiếp tại tàu. Thủ tục nhập cảnh, chuyển cảng đến được thực hiện ngay sau khi tàu đến khu vực, vùng đón, trả hoa tiêu và kết thúc trước khi tàu vào vị trí neo đậu, cập cảng; thủ tục xuất cảnh, chuyển cảng đi được kết thúc chậm nhất là ngay trước khi tàu rời cảng.

2. Thành viên tàu quân sự nước ngoài được sử dụng giấy tờ đi lại quốc tế để nhập cảnh, đi bờ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tàu neo đậu, nhưng không được sử dụng để xuất cảnh qua cửa khẩu khác.

3. Thành phần đoàn kiểm tra làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng bao gồm:

a) Trưởng đoàn: Đại diện Biên phòng cửa khẩu cảng;

b) Thành phần đoàn làm thủ tục nhập cảnh: Đại diện Cảng vụ hàng hải, đại diện Hải quan cửa khẩu cảng, đại diện Kiểm dịch y tế quốc tế và đại diện Kiểm dịch động vật, thực vật cửa khẩu cảng (nếu tàu phải thực hiện kiểm dịch động vật, thực vật);

c) Thành phần đoàn làm thủ tục xuất cảnh, chuyển cảng: Đại diện Cảng vụ hàng hải, đại diện Hải quan cửa khẩu cảng.

Điều 10. Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài đến lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển

Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài đến lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển được thực hiện tại trụ sở Cảng vụ hàng hải thuộc cấp tỉnh nơi tàu đến.

Mục 2

**HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU QUÂN SỰ NƯỚC NGOÀI
ĐẾN VIỆT NAM VÀ ĐI BỜ CỦA THÀNH VIÊN TRÊN TÀU**

Điều 11. Hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm

1. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm được neo đậu, hoạt động tại cảng biển, cảng quân sự được cấp phép; phải tuân thủ quy định của Nghị định này, quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan và sự hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng.

2. Tàu quân sự của cùng một quốc gia được đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm:

- a) Không quá 03 (ba) lần trong 01 năm;
- b) Không được trú đậu quá 03 (ba) tàu tại cùng một cảng trong cùng một thời điểm, thời gian trú đậu không quá 07 (bảy) ngày;
- c) Trường hợp khác thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Nghị định này.

Điều 12. Hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các hoạt động hợp tác khác

1. Tàu quân sự nước ngoài đến lãnh hải, nội thủy và cảng biển của Việt Nam chỉ được thực hiện các hoạt động đã thỏa thuận, thống nhất giữa các bộ, ngành, địa phương liên quan của Việt Nam và quốc gia có tàu, trong phạm vi hoạt động đã được Bộ Quốc phòng cấp phép.

2. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các hoạt động khác tại lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển cần di chuyển ra ngoài phạm vi hoạt động đã được cấp phép phải xin phép và được Bộ Quốc phòng Việt Nam chấp thuận.

Trường hợp phải di chuyển khẩn cấp vì lý do bất khả kháng hoặc vì mục đích phải cứu giúp người, tàu thuyền hay tàu bay đang gặp nạn, ngay sau khi đến vị trí neo đậu an toàn phải thông báo cho Bộ Quốc phòng Việt Nam, Bộ ngành chủ quản và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan.

Điều 13. Hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam để sửa chữa

1. Sau khi được cấp phép đến Việt Nam để sửa chữa, 48 giờ trước khi tàu vào lãnh hải Việt Nam, Thuyền trưởng tàu quân sự nước ngoài phải thông báo và giữ liên lạc với Cảng vụ hàng hải nơi tàu đến.

Trường hợp trên tàu có sự thay đổi so với nội dung Tờ khai thì Thuyền trưởng phải thông báo cho doanh nghiệp Việt Nam tiếp nhận sửa chữa tàu để phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan giải quyết trước khi tàu vào sửa chữa.

2. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam để sửa chữa chỉ được neo đậu sửa chữa tại các cơ sở sửa chữa tàu biển đã được cấp phép. Tàu quân sự của cùng một quốc gia đến Việt Nam để sửa chữa trong cùng một thời điểm không quá 05 (năm) tàu tại cùng một cơ sở sửa chữa. Trường hợp khác Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam xem xét, quyết định.

3. Trong thời gian tàu ra vào, neo đậu, sửa chữa, tàu quân sự nước ngoài, thành viên trên tàu, doanh nghiệp sửa chữa tàu phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, nội quy cảng biển, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng.

4. Khi neo đậu sửa chữa, việc sử dụng các phương tiện khác trên tàu để đi lại, bảo dưỡng phương tiện phải được sự chấp thuận và chịu sự kiểm tra, giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng và Cảng vụ hàng hải Việt Nam.

5. Các hoạt động giao lưu, thăm tàu phải xin phép và được Bộ Quốc phòng Việt Nam chấp thuận.

6. Trường hợp phía tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam để sửa chữa hoặc doanh nghiệp sửa chữa tàu có nhu cầu thuê dịch vụ bảo vệ trong thời gian tàu neo đậu sửa chữa:

a) Doanh nghiệp sửa chữa tàu phải gửi văn bản đề nghị Bộ Quốc phòng cho phép doanh nghiệp Việt Nam có chức năng kinh doanh dịch vụ bảo vệ tàu quân sự nước ngoài (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp bảo vệ) được làm dịch vụ bảo vệ tàu, kèm theo 01 (một) bản sao (có chứng thực) Giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp bảo vệ được thuê, 01 (một) bản sao (có chứng thực) Hợp đồng dịch vụ bảo vệ và 01 (một) bản chính danh sách có thông tin cơ bản về cán bộ, nhân viên thuộc doanh nghiệp bảo vệ làm nhiệm vụ bảo vệ tàu;

b) Chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Quốc phòng cấp phép cho doanh nghiệp bảo vệ được thuê làm dịch vụ bảo vệ tàu thông qua doanh nghiệp sửa chữa tàu. Trường hợp từ chối cấp phép, Bộ Quốc phòng có văn bản gửi doanh nghiệp sửa chữa tàu nêu rõ lý do;

c) Doanh nghiệp bảo vệ chỉ được tiến hành các hoạt động theo đúng nội dung và phạm vi bảo vệ được Bộ Quốc phòng cấp phép. Cán bộ, nhân viên thuộc doanh nghiệp bảo vệ làm nhiệm vụ bảo vệ tàu phải có giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu quân sự nước ngoài neo đậu, sửa chữa cấp và phải chịu sự kiểm tra, giám sát của lực lượng Biên phòng cửa khẩu cảng;

d) Bộ Quốc phòng quy định cụ thể nội dung và phạm vi bảo vệ của doanh nghiệp bảo vệ đối với các tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam để sửa chữa.

Điều 14. Đi bờ đối với các thành viên trên tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm, thực hiện các hoạt động hợp tác khác và sửa chữa

1. Thành viên của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm chỉ được phép rời tàu đi bờ sau khi đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh, thủ tục chuyển cảng đến và phải trở lại tàu trước khi các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển thực hiện thủ tục xuất cảnh, thủ tục chuyển cảng đi cho tàu. Khi đi bờ, các thành viên trên tàu phải chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam, hướng dẫn và chịu sự kiểm tra, giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng và lực lượng Công an địa phương nơi tàu neo đậu, tôn trọng truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán của Việt Nam. Nếu mang theo hàng hóa, phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về Hải quan, Y tế, Kiểm dịch.

2. Khi đi bờ theo chương trình hoạt động chính thức của chuyến thăm, các thành viên trên tàu phải đi theo đoàn, nhóm, phải có trưởng đoàn (nhóm); không mang vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; quân nhân phải mang mặc quân phục; người thuộc các tổ chức hoặc chuyên ngành khác, phải mang mặc đồng phục của tổ chức, chuyên ngành mình. Trưởng đoàn có trách nhiệm theo dõi, quản lý thành viên đoàn trong quá trình thực hiện các chương trình hoạt động chính thức

của chuyến thăm. Trường hợp có thành viên trong đoàn vắng mặt, không tham gia chương trình hoạt động theo quy định, trưởng đoàn phải thông báo ngay cho cơ quan chủ trì tiếp đón.

3. Khi đi bờ với mục đích cá nhân (tham quan du lịch, khám chữa bệnh, hồi hương, đi theo phương tiện tổ chức dịch vụ,...), các thành viên trên tàu có thể đi theo đoàn, nhóm hoặc cá nhân; không mang vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; quân nhân, người không phải quân nhân thuộc các tổ chức hoặc chuyên ngành được phép mang mặc thường phục.

4. Trường hợp tàu neo đậu tại lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển, doanh nghiệp đưa đón thành viên trên tàu đi bờ phải có giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chở người trên biển và có hợp đồng với phía tàu. Phương tiện, người điều khiển phương tiện đưa đón phải được cấp giấy phép theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này.

5. Thành viên trên tàu đi bờ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu:

- a) Không phải đề nghị cấp thị thực Việt Nam;
- b) Khi thành viên trên tàu có nhu cầu đi bờ, Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng phải có đơn xin phép cho thành viên của tàu đi bờ và được Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu neo đậu chấp thuận, cấp Giấy phép đi bờ của thuyền viên nước ngoài. Thời gian đi bờ từ 01h00 - 24h00 hàng ngày;
- c) Trường hợp thành viên trên tàu có nhu cầu nghỉ qua đêm trên bờ, Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng phải có đơn xin phép và được Biên phòng cửa khẩu cảng chấp thuận, cấp giấy phép;
- d) Thủ tục, lệ phí cấp Giấy phép đi bờ của thuyền viên nước ngoài, giấy phép thực hiện theo quy định tại các Điều 23, Điều 25 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng.

6. Thành viên trên tàu đi ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu:

- a) Thành viên trên tàu có nhu cầu đi ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu phải có thị thực Việt Nam (trừ trường hợp mang hộ chiếu thuộc diện được miễn thị thực Việt Nam) và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về nhập cảnh, xuất cảnh;
- b) Trường hợp đi theo chương trình hoạt động chính thức của chuyến thăm, các thành viên trên tàu được miễn phí thị thực (đối với những trường hợp không thuộc diện miễn thị thực Việt Nam);
- c) Trường hợp đi với mục đích cá nhân (tham quan du lịch, khám chữa bệnh, hồi hương, đi theo phương tiện tổ chức dịch vụ,...), thành viên trên tàu phải nộp phí thị thực (đối với những trường hợp không thuộc diện miễn thị thực Việt Nam) theo quy định của Bộ Tài chính.

Mục 3

CẤP GIẤY PHÉP; KIỂM TRA, GIÁM SÁT; ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN; NGHI LỄ ĐỐI NGOẠI ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN TÀU QUÂN SỰ NƯỚC NGOÀI NƠI TÀU NEO ĐẬU

Điều 15. Cấp phép cho tổ chức, cá nhân, phương tiện Việt Nam, nước ngoài thực hiện các hoạt động liên quan đến tàu quân sự nước ngoài

1. Bộ Quốc phòng Việt Nam cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam sử dụng vũ khí bộ binh (súng trường) hoặc các loại súng mô hình để phục vụ cho mục đích nghi lễ, tổ chức nghi thức lễ chào thượng cờ hoặc đón tiếp khi tàu cập cảng và rời cảng và sử dụng phương tiện bay.

a) Các tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam sử dụng vũ khí bộ binh (súng trường) cho mục đích nghi lễ khi tàu neo đậu tại cảng phải đưa vào chương trình hoạt động chính thức và gửi cùng thông báo chính thức đề nghị cấp phép thăm Việt Nam; đảm bảo khi thực hiện nghi lễ vũ khí bộ binh (súng trường) không có đạn;

b) Các tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam sử dụng các loại súng mô hình phục vụ tổ chức các nghi thức phải đưa vào chương trình hoạt động chính thức và gửi cùng thông báo chính thức đề nghị cấp phép thăm Việt Nam;

c) Các tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam sử dụng phương tiện bay phải đưa vào chương trình hoạt động chính thức gửi cùng thông báo chính thức đề nghị cấp phép đến Việt Nam và được sự chấp thuận của Bộ Quốc phòng Việt Nam.

2. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam có nhu cầu lặn, thả xuống, rô bốt, phương tiện, thiết bị lặn khác để kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng định kỳ tàu phải đưa vào chương trình hoạt động chính thức gửi theo thông báo chính thức đề nghị cấp phép đến Việt Nam; khi thực hiện lặn, thả xuống, rô bốt, phương tiện, thiết bị lặn khác phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng và Cảng vụ hàng hải nơi tàu neo đậu. Trường hợp khẩn cấp ngoài chương trình hoạt động chính thức liên quan đến an toàn của tàu phải được chấp thuận và giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng và Cảng vụ hàng hải nơi tàu neo đậu.

3. Mọi tổ chức, cá nhân, phương tiện của Việt Nam, nước ngoài (trừ cán bộ, nhân viên, phương tiện của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển, cảng quân sự đang thực hiện nhiệm vụ) ra vào, hoạt động trong khu vực tàu quân sự nước ngoài neo đậu; xuống tàu quân sự nước ngoài để làm việc, thực hiện các hoạt động khác trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển, cảng quân sự, nội thủy, lãnh hải phải có giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu quân sự nước ngoài neo đậu cấp theo quy định tại các Điều 24, Điều 25 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng.

Phương tiện Việt Nam, nước ngoài cập mạn tàu quân sự nước ngoài phải được sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải nơi tàu neo đậu; người điều khiển phương tiện cập mạn phải có giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng nơi tàu quân sự nước ngoài neo đậu cấp.

4. Tổ chức, cá nhân, phương tiện quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Chỉ được cấp giấy phép khi thực hiện các hoạt động nằm trong chương trình hoạt động chính thức của tàu quân sự nước ngoài hoặc được Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng tàu quân sự nước ngoài đề nghị, chấp thuận bằng văn bản;

b) Phải tuân thủ sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển, cảng quân sự và các lực lượng chức năng liên quan.

Điều 16. Kiểm tra, giám sát; đảm bảo an ninh, an toàn đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam

1. Biên phòng cửa khẩu cảng là lực lượng chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng đảm bảo an ninh, an toàn cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu quân sự nước ngoài, thành viên trên tàu đi bờ, người, phương tiện ra vào, hoạt động tại khu vực tàu quân sự nước ngoài neo đậu, người xuống tàu, phương tiện cập mạn tàu quân sự nước ngoài.

2. Khi thực hiện kiểm tra, giám sát, Biên phòng cửa khẩu cảng được áp dụng các biện pháp nghiệp vụ sau:

a) Giám sát trực tiếp hành trình của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm từ khi tàu neo đậu tại vùng đón, trả hoa tiêu cho đến khi tàu cập cảng;

b) Kiểm tra giấy tờ đối với thành viên trên; tàu đi bờ; người Việt Nam, người nước ngoài xuống tàu, rời tàu; phương tiện cập mạn tàu;

c) Giám sát khu vực, vùng nước cảng, giám sát trực tiếp tại cổng cảng, trạm kiểm soát nơi tàu quân sự nước ngoài neo đậu;

d) Giám sát bằng phương tiện kỹ thuật;

đ) Tuần tra, kiểm soát cơ động;

e) Các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tại lãnh hải, khu vực nội thủy ngoài vùng nước cảng biển:

a) Bộ Quốc phòng quy định lực lượng chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng đảm bảo an ninh, an toàn khu vực nơi tàu quân sự nước ngoài neo đậu; kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu quân sự nước ngoài, thành viên trên tàu, người, phương tiện có hoạt động liên quan;

b) Lực lượng kiểm tra, giám sát được áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 17. Nghi lễ đối ngoại

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với địa phương nơi tàu đến và các bộ, ngành có liên quan thực hiện nghi thức đón, tiếp và các hoạt động lễ tân.
2. Thực hiện theo quy định chung về nghi lễ đối ngoại của Việt Nam và các quy định hiện hành về nghi lễ đối ngoại quốc phòng.

Chương III

TÀU QUÂN SỰ VIỆT NAM ĐI NƯỚC NGOÀI

Điều 18. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp phép

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài thực hiện các chuyến thăm, hoạt động hợp tác khác hoặc sửa chữa.
2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trình tự, thủ tục tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Xuất cảnh, nhập cảnh

Thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với người đi trên phương tiện quốc phòng, an ninh ra, vào lãnh thổ Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 20. Đảm bảo an ninh, an toàn

Đơn vị cử tàu chủ trì, phối hợp triển khai công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm an ninh, an toàn trước khi thực hiện đưa tàu đi nước ngoài và bảo đảm an ninh, an toàn cho tàu, lực lượng, vũ khí trang bị trong suốt hành trình đi và về.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TÀU QUÂN SỰ NƯỚC NGOÀI ĐẾN VIỆT NAM VÀ TÀU QUÂN SỰ VIỆT NAM ĐI NƯỚC NGOÀI

Điều 21. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.
2. Nội dung quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.
 - a) Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

b) Tiếp nhận thông tin, thỏa thuận, thống nhất nội dung, chương trình hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam với quốc gia có tàu quân sự; tổ chức đón tiếp theo nghi thức đón tiếp và hoạt động lễ tân.

c) Cấp phép, từ chối cấp phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung đã cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

d) Quản lý, kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng, di chuyển và các hoạt động khác của tàu và các thành viên trên tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; đảm bảo an ninh, an toàn cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; kiểm tra, giám sát các hoạt động có liên quan đến tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam.

đ) Xử lý vi phạm của tàu quân sự nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Bộ Quốc phòng là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

2. Ban hành theo thẩm quyền hoặc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

3. Tiếp nhận thông tin, thống nhất nội dung, chương trình hoạt động của chuyển thăm với quốc gia có tàu quân sự đến thực hiện các chuyển thăm.

4. Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định về việc đưa tàu quân sự, lực lượng, vũ khí trang bị kỹ thuật của Quân đội nhân dân Việt Nam theo tàu đi nước ngoài thực hiện thực hiện các chuyển thăm, thực hiện các hoạt động hợp tác khác hoặc sửa chữa.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức đón tiếp theo nghi thức lễ tân đối với tàu quân sự nước ngoài thực hiện các chuyển thăm.

6. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan quản lý tàu quân sự nước ngoài và thành viên trên tàu trong thời gian đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

7. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu quân sự nước ngoài, thành viên trên tàu và các hoạt động có liên quan đến tàu quân sự nước ngoài; kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài, thành viên trên tàu và các hoạt động có liên quan đến tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chỉ đạo cơ quan ngoại giao Việt Nam tại quốc gia tàu quân sự Việt Nam đến thăm giải quyết thủ tục đề nghị cấp phép ngoại giao cho tàu và phối hợp triển khai các hoạt động trong khuôn khổ chuyến thăm.

2. Tham gia ý kiến đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Công an cấp tỉnh phối hợp với các lực lượng chức năng trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương nơi có tàu quân sự nước ngoài neo đậu; xét, duyệt cấp thị thực theo quy định của pháp luật và kiểm tra giám sát hoạt động của các thành viên trên tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam đi ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu.

2. Tham gia ý kiến về việc cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình đón tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam.

2. Tham gia ý kiến về việc cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

Điều 26. Trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng trong đón tàu quân sự nước ngoài thăm Việt Nam mà mục đích chuyến thăm có liên quan đến ngành, lĩnh vực do bộ, ngành mình phụ trách.

2. Tham gia ý kiến về việc cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

Điều 27. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Tham gia ý kiến và phối hợp với Bộ Quốc phòng và bộ, ngành liên quan về việc cấp phép và triển khai các hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 28. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Nghị định số 104/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức thực hiện.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 11-10-2024
20:57:45 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *4371* /BQP-ĐN

Hà Nội, ngày *11* tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

**Tổng kết thi hành Nghị định số 104/2012/NĐ-CP ngày 05/12/2012
của Chính phủ quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 05/12/2012, Chính phủ ban hành Nghị định số 104/2012/NĐ-CP quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (gọi tắt là Nghị định số 104/2012/NĐ-CP). Sau 12 năm thi hành, Nghị định số 104/2012/NĐ-CP đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng góp phần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam. Để đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra hạn chế, bất cập trong thực tiễn, tạo cơ sở hoàn thiện thể chế, pháp luật đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nâng cao hiệu quả công tác quản lý trong thời gian tới, Bộ Quốc phòng báo cáo kết quả 12 năm thực hiện Nghị định số 104/2012/NĐ-CP như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TRIỂN KHAI THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Nghị định số 104/2012/NĐ-CP được triển khai, thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Cục diện thế giới đang ở giai đoạn chuyển dịch mang tính bước ngoặt sang “đa cực, đa trung tâm”; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, diễn ra toàn diện cả về địa chiến lược, quân sự, kinh tế - thương mại, tài chính, tiền tệ, truyền thông, khoa học - công nghệ... Tình hình Biển Đông diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định. Các nước khác tăng cường hiện diện ở khu vực, tiến hành các hoạt động thực thi quyền tự do hàng hải, tuần tra, huấn luyện, diễn tập...; số lượng tàu quân sự, tàu công vụ các nước hoạt động ở Biển Đông ngày càng tăng dẫn đến nhu cầu vào các cảng Việt Nam ngày càng cao, các nước cũng đề xuất tổ chức ngày càng nhiều các hoạt động trên bờ, trên biển trong khuôn khổ các chuyến thăm tàu.

Xu thế hội nhập, hợp tác quốc tế của các nước trong khu vực và trên thế giới đang ngày càng mở rộng, đi vào chiều sâu, thực chất trên mọi lĩnh vực, nhất là lĩnh vực quân sự, quốc phòng trên hướng biển. Việt Nam nằm trong khu vực có vị trí địa chính trị quan trọng; có vùng biển và bờ biển lớn, trên tuyến hàng hải quốc tế nối liền giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương; chủ trương, đường lối nhất quán của Việt Nam về độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, sẵn sàng là bạn với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau. Bối cảnh tình hình đó dẫn tới xu hướng gia tăng các hoạt động hợp tác quốc tế về quân sự, quốc phòng trên hướng biển, trong đó nổi lên việc các nước trong khu vực và trên thế giới gia tăng tần xuất đưa tàu quân sự, tàu thực thi pháp luật, tàu công vụ nhà nước đến thăm Việt Nam, như: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Ô-xtrây-li-a, các nước thuộc khối ASEAN (Thái Lan, Xinh-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin) và các nước Liên minh châu Âu (Pháp, Đức, Hà Lan).

Các tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam mục đích chủ yếu thăm xã giao, ghé đầu kỹ thuật, sửa chữa, vận chuyển trang thiết bị, phụ tùng quân đội các nước tặng Quân đội nhân dân Việt Nam, hoạt động nhân đạo, phối hợp huấn luyện, tuần tra chung trên biển với lực lượng Hải quân, Cảnh sát biển Việt Nam... Ngoài ra còn có các mục đích chính trị như tăng cường sự can dự, hiện diện tại khu vực. Do đó, việc một số nước phương Tây đề nghị tăng tần suất thăm của tàu quân sự tới Việt Nam đã gây ra phản ứng không thuận của một số nước trong khu vực.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 104/2012/NĐ-CP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Công tác quản lý tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đã có những chuyển biến tích cực. Ngoài việc thực hiện theo quy định của Nghị định số 104/2012/NĐ-CP, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo về những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, yêu cầu các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh đề cao tinh thần trách nhiệm, đẩy mạnh công tác phối hợp, nhất là trong công tác quản lý tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam trong suốt thời gian qua.

Ngay sau khi Nghị định số 104/2012/NĐ-CP được ban hành, Bộ Quốc phòng đã chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo các đơn vị tại địa phương thường xuyên có tàu quân sự nước ngoài đến thăm và tiến hành các hoạt động như: Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và Bà Rịa - Vũng Tàu nghiêm túc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện đến các cấp, các ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan.

Bộ Công an chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ của Bộ Công an trong triển khai thực hiện Nghị định 104/2012/NĐ-CP, nhất là tham gia ý kiến cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam theo đề nghị của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến

Bộ Quốc phòng đã chủ trì phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông của Trung ương và địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định số 104/2012/NĐ-CP trên các phương tiện thông tin đại chúng và phổ biến các quy định cho thuyền viên các tàu quân sự nước ngoài, Tùy viên Quốc phòng/Tùy viên Quân sự các nước có tàu quân sự đến Việt Nam, thực hiện nghiêm túc công khai các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới đối với tàu quân sự nước ngoài tại trụ sở các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng và Cảng vụ Hàng hải các tỉnh.

Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 104/2012/NĐ-CP luôn được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, giúp cho lực lượng của các bộ, ngành và địa phương cũng như người dân hiểu được chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước; ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động đón tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam trong phối hợp đảm bảo quốc phòng - an ninh..., đặc biệt là cho các lực lượng trực tiếp làm công tác tổ chức đón tàu. Các đơn vị chấp hành nghiêm quy định trong quá trình tiếp xúc với Tùy viên Quốc phòng, các lực lượng làm công tác tổ chức đón tàu của các nước nhằm phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ đúng quy định, đảm bảo an ninh, an toàn cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam.

3. Triển khai thực hiện

Thực hiện chức năng giúp Chính phủ quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam, Bộ Quốc phòng đã phối hợp tốt với các bộ, ngành, địa phương trong tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam. Bộ Quốc phòng luôn chỉ đạo sát sao các lực lượng trực tiếp làm công tác đón tàu, tiếp xúc với Tùy viên Quốc phòng các nước như

Bộ Tổng Tham mưu, Cục Đối ngoại, Bộ đội Biên phòng, Hải quân, Cảnh sát biển Việt Nam... trong việc cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh, duy trì tốt việc quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự khi tàu đến Việt Nam. Triển khai đồng bộ các biện pháp công tác nghiệp vụ, chủ động trong nắm bắt tình hình, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị chức năng trong và ngoài Quân đội, thực hiện tốt công tác thủ tục xuất nhập cảnh, đảm bảo an ninh, an toàn cho tàu và thuyền viên tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam, kết quả như sau:

a) Việc cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam

Kể từ khi Nghị định số 104/2012/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến tháng 6 năm 2024, Bộ Quốc phòng đã cấp phép hoặc báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cấp phép cho 177 lượt chuyến/257 lượt tàu/22 quốc gia với 71.123 lượt thuyền viên nước ngoài đến Việt Nam¹ (*Chi tiết tại Phụ lục I*). Việc cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam được thực hiện theo đúng các quy định của Nghị định số 104/2012/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn, chấp hành pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; khẳng định chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về tăng cường phát triển và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc phòng vì mục đích hòa bình trong thời kì hội nhập quốc tế.

b) Thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh và cấp các loại giấy phép

Quán triệt, thực hiện nghiêm Nghị định số 104/2012/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về xuất nhập cảnh và chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, thời gian qua, các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng duy trì thực hiện nghiêm túc, đúng quy định thủ tục xuất nhập cảnh đối với các tàu quân sự nước ngoài đã xét duyệt, cấp các loại giấy phép cho người, phương tiện Việt Nam, nước ngoài hoạt động liên quan đến tàu quân sự nước ngoài tại cửa khẩu cảng, đảm bảo chặt chẽ về chủ quyền, an ninh, đồng thời thông thoáng, đơn giản về thủ tục theo đúng chủ trương cải cách thủ tục hành chính tại cảng biển của Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho tàu, thuyền viên các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong thực hiện các hoạt động theo chương trình, kế hoạch đề ra.

¹ Đặc biệt trong 12 năm qua, ta đã có 03 lần đón tàu sân bay Hoa Kỳ gồm: đón tàu sân bay USS Carl Vinson (tháng 3/2018), tàu sân bay USS Theodore Roosevelt (tháng 3/2020), tàu sân bay USS Ronald Reagan (tháng 6/2023). Năm 2018, ta lần đầu tiên đón 01 tàu ngầm nước ngoài thăm cảng Việt Nam: tàu ngầm huấn luyện thuộc Lực lượng Phòng vệ trên biển Nhật Bản thăm hữu nghị cảng quốc tế Cam Ranh.

Từ tháng 01/2013 - tháng 6/2024, các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng đã phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thực hiện thủ tục nhập, xuất cảnh cho 177 lượt chuyển/257 lượt tàu quân sự nước ngoài của 22 quốc gia và 71.123 lượt thuyền viên, gồm 49 quốc tịch; cấp 1.222 thị thực và 112.290 giấy phép các loại, trong đó: 67.247 giấy phép đi bờ; 278 giấy phép tham quan du lịch; 2.939 giấy phép ngủ qua đêm; 24.555 giấy phép xuống tàu; 124 giấy phép người điều khiển phương tiện cập mạn tàu; 17.147 giấy phép (Permit), đảm bảo đúng quy trình, thủ tục, đáp ứng đầy đủ đề nghị của các nước (Chi tiết tại Phụ lục 2 và 3).

4. Công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo an ninh, an toàn cho tàu quân sự nước ngoài tại các cửa khẩu cảng

Tàu quân sự nước ngoài luôn được xác định là mục tiêu trọng điểm trong công tác quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng, trong đó Bộ đội Biên phòng là lực lượng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, lực lượng chức năng có liên quan. Để quản lý chặt chẽ và đảm bảo an ninh, an toàn cho tàu quân sự nước ngoài đến các cảng biển Việt Nam, công tác kiểm tra, giám sát biên phòng đối với các tàu quân sự nước ngoài được triển khai thực hiện ngay từ thời điểm tàu đến điểm neo đón trả hoa tiêu cho đến khi rời cảng. Các đơn vị chức năng đã chú trọng kết hợp giữa biện pháp kiểm tra, giám sát với các biện pháp trình sát, kỹ thuật, tuần tra vũ trang, đảm bảo kiểm tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ mọi hoạt động của người, phương tiện liên quan đến tàu quân sự nước ngoài; chủ động phối kết hợp với các cơ quan, lực lượng chức năng tại địa phương trong công tác nắm tình hình, triển khai các kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh, trật tự địa bàn, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối cho tàu và thuyền viên tàu quân sự nước ngoài, các đoàn khách trong nước và nước ngoài vào cảng, xuống tàu làm việc, tham quan, giao lưu đối ngoại và thực hiện các hoạt động theo chương trình. Kết quả kiểm tra, giám sát: 175.141 thuyền viên đi bờ; 20.397 thuyền viên ngủ qua đêm trên bờ; 3.268 người xuống tàu sửa chữa; 377 phương tiện cập mạn tàu; 3.365 phương tiện ra vào khu vực cảng; 45.067 người nước ngoài, Việt Nam lên, xuống thăm tàu, làm việc (Chi tiết tại Phụ lục 4).

Các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng đã thực hiện kiểm tra, giám sát, đảm bảo an ninh, an toàn cho 100% các tàu quân sự nước ngoài neo đậu, hoạt động tại các cảng biển Việt Nam phát hiện, xử lý 44 vụ/06 tàu/92 thuyền viên, cụ thể: 05 vụ/05 tàu vi phạm các quy định của Nghị định số 104/2012/NĐ-CP như: Làm lễ thượng cờ cổ mang súng, luyện tập võ thuật có sử dụng súng, gác trên tàu có